

Bản án số: **08/2025/HNGĐ – ST**

Ngày: 24/01/2025

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Phạm Thành Đô và bà Lê Thị Thận.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 145/2024/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐXX - ST ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

**- Bị đơn:** ông Dương Quan P, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2024 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Dương Quan P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Đ theo giấy đăng ký kết hôn số 21 ngày 18/6/1996. Trong thời gian chung sống ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông P nhiều lần quan hệ bất chính với người khác, bà bắt gặp nhiều lần nhưng ông P vẫn không thừa nhận, hiện nay đã sống ly thân từ tháng 04/2024 liên tục

cho đến nay, mạnh ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Nay bà thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài hôn nhân thêm được nữa. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Quan P.

Về con chung: có 01 con chung là Dương Quan Minh, sinh năm 1997. Con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Dương Quan P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.*

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C, bà C được ly hôn với ông P; về con chung: có 01 con chung là Dương Quan Minh, sinh năm 1997 đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ: không yêu cầu, không xem xét giải quyết;*

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị Kim C yêu cầu được ly hôn với ông Dương Quan P có nơi cư trú tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình; bà C và ông P chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bi đơn ông P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim C yêu cầu ly hôn với ông Dương Quan P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Trần Thị Kim C và ông Dương Quan P tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 ngày 18/6/1996 theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống

do vợ chồng không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, bà C và ông P đã sống ly thân một khoảng thời gian. Trong thời gian sống ly thân bà C và ông P không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, dẫn đến hôn nhân không đạt được mục đích. Như vậy, bà C và ông P đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa bà C và ông P lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, nay bà C yêu cầu ly hôn với ông P, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Đối với cháu Dương Quan Minh, sinh năm 1997 đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Dương sự phải chịu theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim C. Bà Trần Thị Kim C được ly hôn với ông Dương Quan P.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 ngày 18/6/1996 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đ không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của ông bà có hiệu lực pháp luật.

2.Về con chung: Cháu Dương Quan Minh, sinh năm 1997 đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

3.Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng (Biên lai thu tiền số 0009359, ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước)

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.  
Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

***Nơi Nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Trần Thị Thu Hà**